TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**
Bản án số: 356/2025/HNGĐ-ST Ngày 28 - 11 - 2025 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
A - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Trí Tuân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến và bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 154/2025/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị NTC, sinh năm 1987; Có mặt.

Địa chỉ: T3 (cũ lã xã Tiến Xuân, huyện TT), thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh NTC, sinh năm 1986; Có mặt.

Địa chỉ: T3 (cũ lã xã Tiến Xuân, huyện TT), thành phố Hà Nội.

NỘI DỤNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị NTC trình bày: Chị và anh NTC tự nguyện kết hôn có đăng ký tại UBND xã Tiến Xuân, huyện TT, thành phố Hà Nội (nay là xã X) vào ngày 20/10/2006. Trước khi kết hôn anh chị có tìm hiểu nhau được một thời gian thì tiến tới hôn nhân. Sau khi kết hôn anh chị được gia đình cho ra ở riêng trên nhà của bố mẹ anh Tiến còn đất thì gia đình khai hoang nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận, sau này vợ chồng chị đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận. Chị và anh Tiến sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân: Một phần do tính cách vợ chồng không hợp nhau, một phần do sau khi làm nhà anh Tiến không tu trí làm ăn, thường xuyên uống rượu, khi chị góp ý thì anh Tiến chửi bới, đập phá đồ đạc và dọa đánh, dọa giết chị. Mỗi lần như vậy chị sợ và chạy ra khỏi nhà cũng như báo với chính quyền đia phương. Mặc dù vợ chồng có nói chuyện, gia đình hai bên có biết và chính quyền địa phương đã cử người đến gia đình chị hòa giải nhưng do anh Tiến không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng vẫn trầm trọng. Chị và anh Tiến

đã chính thức sống ly thân từ tháng 4 năm 2025 nay. Trong suốt thời gian sống ly thân chị và anh Tiến không ai còn quan tâm đến ai, chị và anh ăn riêng và kinh tế cũng riêng. Nay xét thấy chị đã hết tình cảm với anh Tiến, thời gian sống ly thân đã lâu và chị không muốn đoàn tụ nên chị đề nghị ly hôn anh Tiến.

Về con chung: Chị và anh NTC có 02 con chung là cháu L, sinh ngày 29/10/2007 và cháu L, sinh ngày 01/01/2010. Hiện cháu Lương đã đến tuổi trưởng thành và đủ khả năng lao động nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Còn cháu Lực thì chị tôn trọng nguyện vọng của cháu nếu cháu muốn ở với anh Tiến thì chị đồng ý và chị sẽ cấp dưỡng nuôi con với anh Tiến mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ và công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình vợ, gia đình chồng: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh NTC trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn anh nhất trí như lời trình bày của chị Chuyên. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng với nhau ở trên nhà của bố mẹ anh dựng còn đất thì do gia đình khai hoang. Trong quá trình chung sống đúng là vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân: Do chị Chuyên đi làm công ty rồi đi liên quan với toàn con trai, về nhà chị Chuyên không cho anh gần gũi nên anh uống rượu dẫn đến cãi nhau, anh có chửi bới, đập phá đồ đạc và dọa nạt chị. Tuy nhiên anh chưa hề đánh chị Chuyên lần nào. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra vợ chồng có nói chuyện, gia đình hai bên có hòa giải hay chị Chuyên có báo với thôn và chính quyền địa phương đến hòa giải nhưng chị Chuyên vẫn kiên quyết đề nghị ly hôn anh. Anh và chị Chuyên sống ly thân đã lâu. Trong thời gian đó anh chị ăn riêng và kinh tế cũng riêng. Anh cũng không biết cách nào để chị Chuyên tha thứ cho anh ngoài cách khuyên bảo và mong chị Chuyên suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy các con nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị NTC có 02 con chung là cháu L, sinh ngày 29/10/2007 và cháu L, sinh ngày 01/01/2010. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy các con, nhưng nếu phải ly hôn: Cháu Lương đã đến tuổi trưởng thành và đủ khả năng lao động nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh xin được nuôi cháu Lực và đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con của chị Chuyên.

Về tài sản chung, nợ và công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình vợ, gia đình chồng: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Chuyên trình bày: Đúng là chị đi làm công ty và có đi ăn uống với các công nhân khác nhưng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Tiến rất nhiều lần uống rượu về là chửi bới, đe dọa chị. Ngay cả khi tỉnh táo anh Tiến cũng gây sự và dọa giết chị. Do vậy, chị giữ nguyên quan điểm khởi kiện về việc ly hôn anh Tiến, về con chung và tài sản.

Anh Tiến giữ nguyên quan điểm của mình, không đồng ý ly hôn chị Chuyên; đồng ý nuôi con, mức cấp dưỡng của chị Chuyên đưa ra và về tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng, đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị NTC và NTC đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, Điều 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho chị NTC được ly hôn anh NTC. Về con chung: Cháu L đã đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết; giao anh Tiến trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là cháu L. Chị Chuyên có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với anh Tiến mỗi tháng 2.000.000 đồng tính từ tháng 12/2025 đến khi cháu Lực đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Chị Chuyên được quyền qua lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản, nợ chung và công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình vợ, gia đình chồng: Chị Chuyên và anh Tiến tự thống nhất thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị NTC phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị NTC có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn anh NTC có địa chỉ tại T3 (cũ là xã Tiến Xuân, huyện TT), thành phố Hà Nội. Theo quy định của pháp luật thì đây là vụ án Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của A - Hà Nội theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Chị NTC và anh NTC kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Tiến Xuân, huyện TT (nay là xã X), thành phố Hà Nội vào năm 2006 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến việc anh chị sống ly thân, ăn riêng và kinh tế riêng đã nhiều tháng nay. Chị Chuyên xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết ly hôn anh Tiến. Anh Tiến xác thực vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do anh uống rượu dẫn đến chửi bới, đập phá đồ đạc và có lời lẽ đe dọa chị Chuyên nhưng anh chưa bao giờ đánh chị Chuyên nên anh vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy: Thời gian xảy ra mâu thuẫn giữa hai anh chị đã lâu dẫn đến vợ chồng sống ly thân nhiều tháng nay điều này gia đình hay các con đều biết. Tuy anh Tiến mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng từ khi xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân và từ ngày chị Chuyên gửi đơn ly hôn mặc dù anh biết nhưng anh cũng không có giải pháp nào để hàn gắn. Mặt khác, khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng đã nói chuyện, gia

đình hai bên và chính quyền địa phương có hỏa giải nhưng vợ chồng vẫn không đoàn tụ được. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị Chuyên và anh Tiến đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị NTC với anh NTC là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị NTC và anh NTC có 02 con chung là L, sinh ngày 29/10/2007 và cháu L, sinh ngày 01/01/2010. Hiện cháu Lương đã đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên chị Chuyên và anh Tiến không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị Chuyên đồng ý để anh Tiến nuôi dưỡng con chung là cháu Lực và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với anh Tiến mỗi tháng 2.000.000 đồng. Anh Tiến đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Chuyên và anh Tiến đều có công việc và chỗ ở ổn định đảm bảo cho việc nuôi con. Cháu Lực năm nay đã hơn 15 tuổi có thể tự chăm sóc bản thân của mình và cháu có nguyện vọng được ở với anh Tiến. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Lực cũng như xem xét nguyện vọng của cháu. Hội đồng xét xử giao cháu L cho anh Tiến trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Chuyên tự nguyên cấp dưỡng nuôi con chung với anh Tiến mỗi tháng 2.000.000 đồng tính từ tháng 12 năm 2025 đến khi cháu Lực đủ 18 tuổi. Anh Tiến đồng ý. Xét thấy việc cấp dưỡng nuôi con vừa là nghĩa vụ và cũng là trách nhiệm của người làm cha, làm mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con chung của chị Chuyên là phù hợp quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị NTC được quyền qua lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản, nợ chung và công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình vợ, gia đình chồng: Chị Chuyên và anh Tiến tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị NTC phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

[6]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị NTC đối với anh NTC.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị NTC và anh NTC.

2. Về con chung: Chị NTC và anh NTC có 02 con chung là cháu L, sinh ngày 29/10/2007 và cháu L, sinh ngày 01/01/2010. Hiện cháu Lương đã đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét. Giao cháu L cho anh Tiến trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Lực đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị NTC có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với anh Tiến mỗi tháng 2.000.000 đồng tính từ tháng 12 năm 2025 đến khi cháu Lực đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chị NTC có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung và công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình vợ, gia đình chồng: Chị Chuyên và anh Tiến không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị NTC phải chịu 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0009843 ngày 02/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Hà Nội. Chị Chuyên tiếp tục phải nộp số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn đồng).

5. Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Chị NTC và anh NTC có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trí Tuân

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND khu vực 10 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 10 – Hà Nội;
- UBND xã X (cũ là xã Tiến Xuân, huyện TT), thành phố Hà Nội (GCNKH số 32 ngày 20/10/2006)
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**